

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Kim Thị Sà Mết

2. Bà Trần Thị Phương Anh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Châu Ngọc Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng L**, sinh năm 2001. Địa chỉ: **Ấp N, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu** (Có đơn xin vắng mặt đề ngày 26/4/2024).

- Bị đơn: Anh **Dương Chí H**, sinh năm 1987. Địa chỉ: **Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu** (Có đơn xin vắng mặt đề ngày 10/6/2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2024, Biên bản lấy lời khai ngày 03/4/2024, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Hồng L**, trình bày:* Chị và anh **Dương Chí H** chung sống với nhau vào cuối năm 2019, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu** và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32/2020, ngày 26/5/2020. Vợ chồng chị chung sống có một con chung tên **Dương Chí T**, sinh ngày 12/8/2021, hiện tại cháu đang sống chung với chị. Quá

trình chung sống chị và anh **H** không tạo lập được tài sản chung, không thiếu nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào và cũng không có ai nợ tiền, tài sản của vợ chồng chị.

Nguyên nhân ly hôn là do vợ chồng chung sống nhưng không có tình cảm, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng thường xảy ra cự cãi, mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế, cách nuôi dạy con, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có biện pháp gì để hàn gắn. Chị và con về sống chung với cha mẹ chị tại **ấp N, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu** gần một năm nay. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân thì anh **H** không gặp chị để thỏa thuận, hàn gắn tình cảm.

Nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu được ly hôn với anh **Dương Chí H**, không yêu cầu đoàn tụ. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu **Dương Chí T** đến tuổi trưởng thành, chị yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi cháu **T** mỗi tháng 900.000 đồng đến khi cháu **T** đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/6/2024, nguyên đơn anh **Dương Chí H** trình bày: Anh và chị **Nguyễn Thị Hồng L** chung sống với nhau vào cuối năm 2019, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu** và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32/2020, ngày 26/5/2020. Vợ chồng anh chung sống có một con chung tên **Dương Chí T**, sinh ngày 12/8/2021, hiện tại cháu đang sống chung chị **L**.

Vợ chồng chung sống không có tài sản chung, không thiếu nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào và cũng không có ai nợ tiền, tài sản vợ chồng anh.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chung sống không có tình cảm, bất đồng quan điểm sống, tuy không xảy ra cự cãi gì nhưng chị **L** đưa con về nhà cha mẹ ruột sống tại **ấp N, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu** gần một năm nay. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân thì anh và chị **L** không gặp nhau để thỏa thuận, hàn gắn.

Nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, không thể hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn với chị **L**, không yêu cầu đoàn tụ. Khi ly hôn anh đồng ý giao cháu **Dương Chí T**, sinh ngày 12/8/2021 cho chị **Nguyễn Thị Hồng L** được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 900.000 đồng, đến khi cháu **T** đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến giải quyết vụ án về nội dung như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 58, 81, 82, 83, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị **L** và anh **H**. Giao cháu **Dương Chí T**, sinh ngày 12/8/2021 cho chị **Nguyễn Thị Hồng L** được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, anh **H** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 900.000 đồng, đến khi cháu **T** đủ 18 tuổi, anh **H** được quyền thăm nom con. Tài sản chung, nợ chung không có, không xem xét, giải quyết. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị **L** và anh **H** phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị **Nguyễn Thị Hồng L** yêu cầu ly hôn với anh **Dương Chí H**. Hiện nay, anh **H** đang cư trú tại **ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu** nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Hồng L** và anh **Dương Chí H** chung sống với nhau vào cuối năm 2019, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu** và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32/2020, ngày 26/5/2020. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị **L** và anh **H** là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.”

[4] Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của Trưởng **ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu** xác định chị **L** và anh **H** đã sống ly thân khoảng một năm nay. Chị **L** và anh **H** đều thừa nhận trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không có tình cảm, không ai quan tâm đến ai, anh chị đã sống ly thân hơn một năm nay, không có biện pháp gì để hàn gắn. Từ đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị **L** và anh **H** đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên chị **L** yêu

cầu được ly hôn với anh hướng và anh hướng cũng đồng ý ly hôn với chị **L**, không yêu cầu đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị **L** và anh **H**.

[5] Về con chung: Chị **L** và anh **H** chung sống có một người con chung tên **Dương Chí T**, sinh ngày 12/8/2021, đang sống chung với chị **L**. Khi ly hôn, chị **L** yêu cầu được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu **Dương Chí T**, sinh ngày 12/8/2021. Xét thấy, hiện nay cháu **T** đang sống ổn định với chị **L**. Mặt khác, anh **H** cũng đồng ý giao cháu **Dương Chí T**, sinh ngày 12/8/2021 cho chị **L** tiếp tục được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do đó, cần tiếp tục giao cháu **Dương Chí T**, sinh ngày 12/8/2021 cho chị **L** trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **L** yêu cầu anh **H** có nghĩa cấp dưỡng cho cháu **T** mỗi tháng 900.000 đồng thời gian cấp dưỡng từ ngày 21/6/2024 đến khi cháu **T** đủ 18 tuổi. Căn cứ khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên,...”. Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm, nghĩa vụ của cả chị **L** và anh **H**. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/6/2024, anh **H** đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu **T** mỗi tháng 900.000 đồng đến khi cháu **T** đủ 18 tuổi. Do đó, anh **H** có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu **Dương Chí T**, sinh ngày 12/8/2021 mỗi tháng 900.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 21/6/2024 đến khi cháu **T** đủ 18 tuổi.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **L** và anh **H** đều xác định vợ chồng chung sống không tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị **L** và anh **H** phải chịu theo quy định pháp luật.

[9] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 55, các điều 81, 82, 83, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Hồng L** và anh **Dương Chí H**.

2. Về con chung: Giao cháu **Dương Chí T**, sinh ngày 12/8/2021 cho chị **Nguyễn Thị Hồng L** tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Dương Chí H** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **Dương Chí T**, sinh ngày 12/8/2021 mỗi tháng 900.000 (Chín trăm nghìn) đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 21/6/2024 cho đến khi cháu **Dương Chí T** đủ 18 tuổi.

Anh **Dương Chí H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) của quyết định này cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị **Nguyễn Thị Hồng L** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chị **L** đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003949 ngày 14/3/2024 được chuyển thu án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (Cấp dưỡng), anh **Dương Chí H** phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- UBND xã Vĩnh Hưng A, Vĩnh Lợi, Bạc Liêu;
- Đương sự;

- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bị đơn ông Trần Văn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

[1] Bà Phan Thị Bích Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn H. Ông H có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. 3

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**